

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14 – 8 – 2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Hoàng Xuân Niêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Ngô Văn L, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn L tự tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ năm 2020. Bà Á xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông L có 03 con chung tên Ngô Như Ý sinh năm 1999, Ngô Chí N sinh năm 2002 và Ngô Phát Đ sinh ngày 19/9/2011, hiện các cháu Ý và N đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Đ, khi ly hôn bà Á tự nguyện giao cho ông L nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Á xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Á xác định trong thời gian chung sống bà và ông L không có nợ ai và cũng không ai nợ lại, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Ngô Văn L, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng ông L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Á, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Ngô Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Á và ông Ngô Văn L chung sống với nhau vào năm 1999, ông, bà xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Tại phiên tòa bà Á vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Á với ông L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á, không công nhận bà Nguyễn Thị Á và ông Ngô Văn L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Á và ông L có 03 con chung tên Ngô Như Ý sinh năm 1999, Ngô Chí N sinh năm 2002 và Ngô Phát Đ sinh ngày 19/9/2011, hiện các cháu Ý và N đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với cháu Đ đang sống cùng với ông L, khi ly hôn bà Á tự nguyện giao cháu Đ cho ông L nuôi dưỡng, đối với ông L không có ý kiến về con chung. Xét thấy, việc bà Á xác định cháu Đ đang sống cùng với ông L và tự nguyện giao cháu Đ cho ông L nuôi dưỡng là cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; đối với việc cấp dưỡng cho con bà Á không đặt ra và ông L không có ý kiến nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà Á xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với ông L không có ý kiến về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Á xác định không có nợ ai và không ai nợ lại không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với ông L không có ý kiến về nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Á và ông Ngô Văn L là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cháu Ngô Phát Đ sinh ngày 19/9/2011 cho ông Ngô Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Á có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0016262 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; bà Á đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Á có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tiêu Hồng Phụng